



bāo zhuāng zhǐ

包装纸

noun · wrapping paper

Example Sentence

Zhè zhāng bāo zhuāng zhǐ shàng de huā wén hěn piào liang.
 这 张 包 装 纸 上 的 花 纹 很 漂 亮 。

The pattern on this wrapping paper is very beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

包	包	包	包	包	包	包	包				
装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装
装	装	装	装								
纸	纸	纸	纸	纸	纸	纸	纸	纸	纸		